

**THÔNG TƯ**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 36/2015/TT-BCT NGÀY 28 THÁNG 10 NĂM 2015 BAN HÀNH QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA ĐỐI VỚI SẢN PHẨM KHĂN GIẤY VÀ GIẤY VỆ SINH**

*Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;*

*Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh.*

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 36/2015/TT-BCT ngày 28 tháng 10 năm 2015 ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với sản phẩm khăn giấy và giấy vệ sinh**

1. Sửa đổi Điều 2 như sau:

“Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018”.

2. Sửa đổi số thứ tự 2 Bảng 1 mục 2.2.1 của QCVN 09:2015/BCT như sau:

**Bảng 1 - Chỉ tiêu cơ lý**

TT	Tên chỉ tiêu	Mức quy định						Phương pháp thử	
		Khăn giấy và giấy tissue (dùng cho gia công khăn giấy)				Giấy vệ sinh và giấy tissue (dùng cho gia công giấy vệ sinh)			
		Một lớp	Hai lớp	Ba lớp	Bốn lớp	Một lớp	Hai lớp		Ba lớp
2	Tỷ lệ độ bền kéo ướt/độ bền kéo khô, không nhỏ hơn, %	≥ 5				-	-	-	TCVN 8309-5:2010 (ISO 12625--5: 2005)

3. Sửa đổi, bổ sung mục 3.1.2 của QCVN 09:2015/BCT như sau:

**“3.1.2.** Các sản phẩm khăn giấy, giấy vệ sinh và giấy tissue được đánh giá, chứng nhận hợp quy theo phương thức 5 hoặc phương thức 7 nêu tại Điều 5 của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (sau đây gọi là *Thông tư số 28*).”

4. Sửa đổi, bổ sung mục 3.1.3 của QCVN 09:2015/BCT như sau:

**“3.1.3.** Quy định về phương pháp và các hình thức lấy mẫu đánh giá, chứng nhận hợp quy

**3.1.3.1.** Phương pháp và hình thức lấy mẫu

a) Phương pháp lấy mẫu để thử nghiệm các chỉ tiêu tại mục 2.2 của Quy chuẩn này được thực hiện theo TCVN 3649:2007 (ISO 186:2002) Giấy và cátông - Lấy mẫu để xác định chất lượng trung bình/ Paper and board - Sampling to determine average quality.

b) Các hình thức lấy mẫu:

- Hình thức lấy mẫu thường: được áp dụng đối với lô sản phẩm có cùng chủng loại, cùng đặc tính kỹ thuật, do cùng một nhà sản xuất, được thực hiện đánh giá sự phù hợp lần đầu ở hình thức lấy mẫu thường.

- Hình thức lấy mẫu giảm: được áp dụng đối với lô sản phẩm có cùng chủng loại, cùng đặc tính kỹ thuật, do cùng một nhà sản xuất, đã thực hiện đánh giá sự phù hợp hai (02) lần liên tiếp tại cùng một tổ chức đánh giá sự phù hợp, đạt yêu cầu về chất lượng. Thời hạn áp dụng hình thức lấy mẫu giảm là một (01) năm kể từ lần đánh giá thứ ba (03).

### 3.1.3.2. Hình thức lấy mẫu thường

a) Đối với sản phẩm riêng lẻ, thực hiện lấy mẫu theo các bước như sau:

- Bước 1: Căn cứ vào số lượng đơn vị bao gói của hàng hóa (pallet, thùng cactông,...), chọn số đơn vị bao gói để lấy mẫu theo bảng 4 như sau:

**Bảng 4 - Số đơn vị bao gói đơn lẻ được chọn lấy mẫu**

Số lượng đơn vị bao gói, n	Số đơn vị bao gói được chọn	Phương pháp chọn
1 đến 5	2	Ngẫu nhiên
6 đến 399	$(\sqrt{(n + 20)}) / 2^{(*)}$	Ngẫu nhiên
400 hoặc lớn hơn	10	Ngẫu nhiên

(\*) Số đơn vị bao gói được chọn để lấy mẫu được làm tròn xuống số nguyên gần nhất.

- Bước 2: Căn cứ vào số lượng sản phẩm của loại hàng hóa có trong lô hàng, số lượng mẫu đại diện cho lô hàng sẽ lấy từ các đơn vị bao gói đã chọn theo bảng 5 như sau:

**Bảng 5 - Số lượng mẫu đơn lẻ**

Số lượng sản phẩm	Số lượng mẫu (*)
≤ 1000	5
Từ 1001 đến 5000	7
> 5000	10

(\*) Mẫu được lấy phải bảo đảm mỗi mẫu có khối lượng tối thiểu 350 g (300 g để thử chỉ tiêu cơ lý, hóa học và 50 g để thử chỉ tiêu vi sinh)

b) Đối với sản phẩm giấy dạng cuộn lớn, thực hiện lấy mẫu theo các bước như sau:

- Bước 1: Căn cứ vào số lượng cuộn, chọn số cuộn để lấy mẫu theo bảng 6 như sau:

**Bảng 6 - Số cuộn được chọn để lấy mẫu**

Số lượng cuộn trong lô, n	Số cuộn được chọn	Phương pháp chọn
1 đến 5	1	Ngẫu nhiên
6 đến 20	2	Ngẫu nhiên
21 đến 399	$(\sqrt{(n + 20)}) / 3^{(*)}$	Ngẫu nhiên
400 hoặc lớn hơn	7	Ngẫu nhiên

(\*) Số đơn vị bao gói được chọn để lấy mẫu được làm tròn xuống số nguyên gần nhất.

- Bước 2: Tiến hành lấy mẫu trên các cuộn được chọn. Phương pháp lấy mẫu từ một (01) cuộn lớn được thực hiện như sau:

Trên 01 cuộn được chọn, tiến hành cắt ba (03) ô trên cuộn giấy theo kích thước nhỏ nhất 300 mm x 450 mm, với cạnh lớn theo chiều dọc của cuộn giấy. Các ô được cắt tại các vị trí khác nhau trên cuộn (2 cạnh bên và ở giữa khổ giấy) với độ sâu đủ để lấy các tờ mẫu. Từ các ô mẫu được cắt, tiến hành bỏ tất cả các lớp hồng bên ngoài, bỏ thêm ba (03) lớp không hồng tiếp theo của cuộn giấy, lấy số lượng ba (03) tờ mẫu trên mỗi ô.

Với các cuộn giấy không cắt được các ô theo kích thước 300 mm x 450 mm, tờ mẫu được lấy bằng cách cắt hết chiều ngang (chiều rộng) của cuộn tạo thành một tập, sau đó cắt các mẫu đại diện lô hàng từ các tập đó. Cần lấy mẫu đại diện tại ba (03) vị trí khác nhau của cuộn giấy được chọn.

Mẫu được lấy trên cuộn giấy phải đảm bảo mỗi mẫu có khối lượng tối thiểu là 350 g (300 g để thử các chỉ tiêu cơ lý, hóa học và 50 g để thử chỉ tiêu vi sinh). Mỗi cuộn sẽ lấy ba (03) mẫu tại các vị trí khác nhau của cuộn. Mẫu sau khi được lấy từ cuộn lớn phải được bảo quản để không ảnh hưởng tới kết quả thử nghiệm.

### 3.1.3.3. Hình thức lấy mẫu giảm

a) Đối với sản phẩm riêng lẻ, số lượng mẫu được lấy là một (01) mẫu dùng để thử cho các chỉ tiêu cơ lý, hóa học và một (01) mẫu còn nguyên bao gói dùng để thử chỉ tiêu vi sinh. Mẫu được lấy phải đảm bảo có khối lượng tối thiểu 350 g (300 g để thử chỉ tiêu cơ lý, hóa học và 50 g để thử chỉ tiêu vi sinh),

trường hợp không đủ phải lấy thêm mẫu.

b) Đối với sản phẩm giấy dạng cuộn lớn, tiến hành chọn một (01) cuộn ngẫu nhiên trong lô hàng. Phương pháp lấy mẫu trên 01 cuộn giấy được thực hiện như quy định tại bước 2 điểm b mục 3.1.3.2 của Quy chuẩn này.

#### **3.1.3.4. Các ví dụ hướng dẫn thực hiện lấy mẫu**

a) Ví dụ 1: Lô hàng hóa có 1000 cuộn giấy vệ sinh được đóng thành 50 bao gói. Trong mỗi bao gói có 20 cuộn giấy vệ sinh (vật phẩm). Việc lấy mẫu kiểm tra sẽ tiến hành với từng trường hợp như sau:

- Theo chế độ lấy mẫu thường, từ lô hàng lấy ngẫu nhiên 04 bao gói. Từ 04 bao gói tiến hành lấy 05 mẫu đại diện cho lô hàng. Mỗi mẫu của 05 cuộn giấy phải có khối lượng tối thiểu là 350 g, trường hợp không đủ phải tăng số lượng cuộn giấy;

- Theo chế độ lấy mẫu giảm, từ lô hàng lựa chọn ngẫu nhiên 01 bao gói. Từ 01 bao gói được chọn, tiến hành lấy 01 mẫu đại diện cho lô hàng, khối lượng của mẫu được lấy ít nhất là 350 g.

b) Ví dụ 2: Lô hàng hóa có 400 cuộn lớn, việc tiến hành lấy mẫu đại diện cho lô hàng được tiến hành như sau:

- Theo chế độ lấy mẫu thường, từ lô hàng lựa chọn ngẫu nhiên 07 cuộn. Tiến hành lấy 21 mẫu trên 07 cuộn được chọn theo hướng dẫn tại bước 2 điểm b mục 3.1.3.2;

- Theo chế độ lấy mẫu giảm, từ lô hàng chọn ngẫu nhiên 01 cuộn trong lô hàng. Từ 01 cuộn được chọn tiến hành lấy 03 mẫu trên cuộn.”

#### **5. Bổ sung mục 3.1.5 vào QCVN 09:2015/BCT như sau:**

“**3.1.5.** Việc thử nghiệm các chỉ tiêu chất lượng của sản phẩm khăn giấy, giấy vệ sinh và giấy tissue phải thực hiện tại các phòng thử nghiệm được Bộ Công Thương chỉ định.”

#### **6. Sửa đổi, bổ sung mục 4.4 của QCVN 09:2015/BCT như sau:**

“**4.4.** Các tổ chức đánh giá sự phù hợp cho sản phẩm khăn giấy, giấy vệ sinh và giấy tissue sau khi được Bộ Công Thương chỉ định chịu trách nhiệm:

- Lập danh sách các lô hàng đã tiến hành đánh giá và báo cáo Bộ Công Thương vào tuần cuối cùng của hàng quý;

- Thực hiện đánh giá sự phù hợp theo quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.”

#### **7. Bãi bỏ mục 3.3 và mục A.1 Phụ lục A (Phương pháp thử) của QCVN 09:2015/BCT.**

### **Điều 2. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

**BỘ TRƯỞNG**

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Sở Công Thương các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website: Chính phủ, BCT;
- Công báo;
- Lưu: VT, KHCN.

**Trần Tuấn Anh**